

19 Tháng Năm 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn



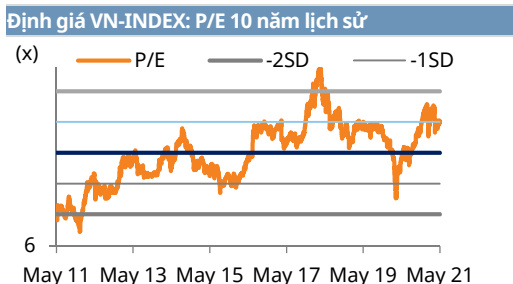
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,262.49	0.78	0.15	49.24
HNX	295.25	0.21	-0.17	171.29
UPCOM	79.81	-0.30	-2.66	48.35
MSCI EM	1,333.18	1.66	-1.14	44.09
NIKKEI	28,044.45	-1.28	-5.53	37.25
HANG SENG	28,593.81	1.42	-1.76	17.24
KOSPI	3,173.05	1.23	-0.81	60.21
FTSE	6,970.82	-0.90	-0.42	16.14
S&P 500	4,127.83	-0.85	-0.85	41.22
NASDAQ	13,303.64	-0.56	-4.39	44.84

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.20	2.55	15.06
SET INDEX	24.10	1.66	7.25
JCI INDEX	29.59	1.56	4.10
PCOMP INDEX	26.70	1.54	5.99

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.14	0	-2	-88
10 năm	2.35	0	-4	-55

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,047	0.00	0.07	1.15
US\$/KRW	1,130	0.41	-1.14	9.04
US\$/JPY	109	-0.16	-0.83	-1.25
US\$/EUR	0.82	0.00	-1.53	-10.64
US\$/GBP	0.71	0.09	-1.34	-13.58
US\$/SGD	1.33	-0.13	-0.08	6.41

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	850	808	413
HNX	106	101	54
UPCOM	35	34	25



Nhận định thị trường

VN30 vượt 1.400 điểm, lập đỉnh lịch sử mới

Tiếp nối đà tăng trong phiên hôm qua, chỉ số VN30 hôm nay chính thức lập đỉnh mới khi đóng cửa ở mốc 1,401 điểm tương ứng với mức tăng 1,68% so với phiên hôm trước. Điều này cũng đã hỗ trợ tích cực lên VN-Index, khi chỉ số này ghi nhận mức tăng 9,8 điểm đóng cửa ở mốc 1,262 điểm (+0.78% DoD). Đáng lưu ý, độ lệch giữa 2 chỉ số ngày càng lớn khi điểm số VN-Index đang thấp hơn VN30 gần 140 điểm.

Hỗ trợ tích cực ở chiều tăng điểm của VN-Index có sự đóng góp của HPG, TCB và CTG khi mà những mã này lần lượt đóng góp 2,4 điểm; 1,6 điểm và 1,4 điểm. Ở chiều ngược lại, VIC và VCB là 2 mã tác động mạnh nhất ở chiều giảm điểm với điểm số lần lượt 0,8 điểm và 0,5 điểm.

Giá trị bán ròng của khối ngoại ghi nhận ở mức thấp nhất từ đầu tháng cho tới nay, khi ghi nhận giá trị bán đạt 253 tỷ ở trên cả 2 sàn HSX và HNX. VNM và VPB là 2 mã chịu áp lực bán ròng của khối ngoại với giá trị lần lượt đạt 97 tỷ và 87 tỷ. Còn ở chiều mua ròng, CTG là mã mua ròng mạnh nhất với giá trị đạt 127 tỷ.

Mặc dù VN-Index ghi nhận mức tăng 9,8 điểm trong phiên hôm nay tuy nhiên điểm số đánh giá kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số này tiếp tục được duy trì ở mức đánh giá TRUNG TÍNH với điểm số +0 điểm.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	5	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	0	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

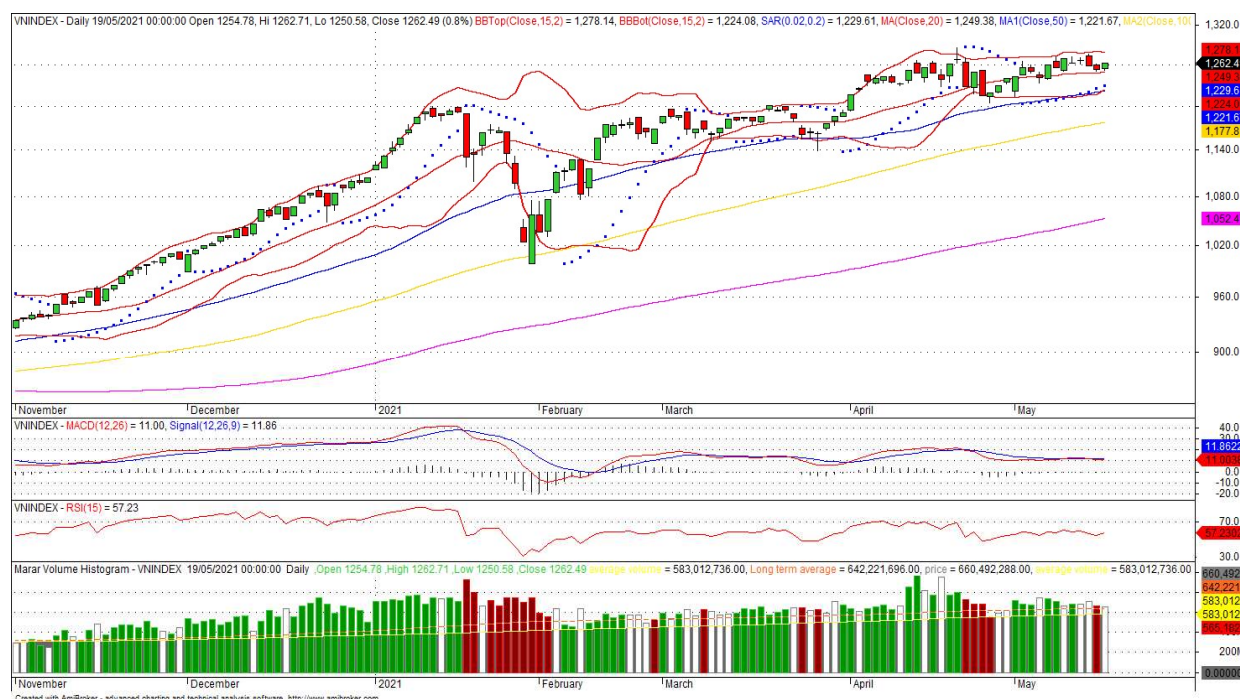
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	5	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (19/05/2021)	Kháng cự 1	1.270
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.250
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.200

VN-Index đang tiếp cận với ngưỡng kháng cự trong ngắn hạn 1,270 điểm

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

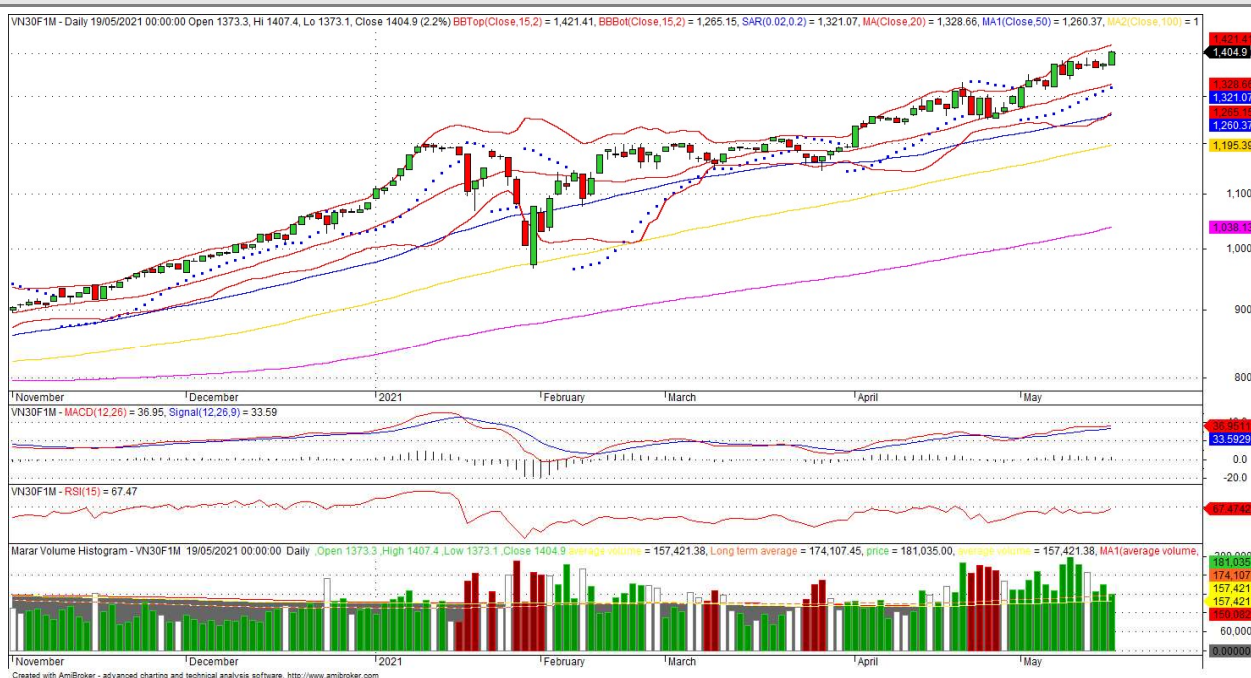
CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (18/05/2021)	1.404	Kháng cự 1 1.400
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TÍCH CỰC	Kháng cự 2 1.450
VN30 - đóng cửa	1.371	Hỗ trợ 1 1.300
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+3,19	Hỗ trợ 2 1.250

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

VN30F1M lập đỉnh lịch sử và phiên giao dịch ngày mai sẽ là phiên đảo hạm PS cho hợp đồng VN30F2105

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(VNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.1	4,544,945	-7	TIÊU CỰC	3,349	10.8	0.9
ACB	36.6	9,198,185	5	KHẢ QUAN	79,113	9.2	2.1
AMD	6.6	10,740,980	-6	TIÊU CỰC	1,079	43.9	0.6
ART	10	5,549,160	2	TRUNG TÍNH	969	37.1	0.9
BID	40.9	2,950,730	2	TRUNG TÍNH	164,501	20.0	2.1
BMI	31.5	930,210	6	KHẢ QUAN	2,878	14.1	1.2
BSR	15.1	11,071,980	2	TRUNG TÍNH	46,507	#N/A N/A	1.5
BVH	53.2	849,640	-5	TIÊU CỰC	39,492	20.9	1.9
CEO	9.4	3,291,600	0	TRUNG TÍNH	2,419	#N/A N/A	0.8
CII	20.3	2,070,840	0	TRUNG TÍNH	4,848	364.9	1.0
CTG	48	18,855,976	7	KHẢ QUAN	178,723	10.1	2.0
CTR	74.3	468,405	-2	TRUNG TÍNH	5,333	19.1	5.0
DBC	54	1,719,140	-4	TIÊU CỰC	5,657	3.9	1.2
DCM	16.65	2,433,160	4	KHẢ QUAN	8,815	14.8	1.4
DGC	67.5	1,041,575	-2	TRUNG TÍNH	11,548	12.3	2.8
DGW	135.5	359,805	5	KHẢ QUAN	5,827	17.7	4.6
DHC	103.7	340,765	7	KHẢ QUAN	5,807	12.3	4.0
DIG	26.5	3,633,430	-3	TRUNG TÍNH	9,284	12.1	2.0
DXG	23.15	7,795,355	0	TRUNG TÍNH	11,998	#N/A N/A	1.8
EIB	26.3	1,205,235	-2	TRUNG TÍNH	32,334	36.9	1.9
FIT	10.75	2,795,280	5	KHẢ QUAN	2,738	40.2	0.9
FLC	12.8	30,562,300	7	KHẢ QUAN	9,088	6.6	0.9
FPT	90.8	2,440,945	7	KHẢ QUAN	71,652	19.2	4.3
GAS	81.6	830,245	-5	TIÊU CỰC	156,178	20.7	3.1
GEX	24.5	4,677,275	-7	TIÊU CỰC	11,962	11.6	1.7
GIL	66.7	512,385	-7	TIÊU CỰC	2,400	5.9	1.7
GMD	37.9	2,740,125	7	KHẢ QUAN	11,422	30.4	1.9
GVR	25.35	3,220,550	4	KHẢ QUAN	101,400	23.2	2.1
HAG	5.25	8,321,790	-2	TRUNG TÍNH	4,869	#N/A N/A	1.1
HAH	28	1,412,305	6	KHẢ QUAN	1,327	8.0	1.2
HAI	4.9	6,894,405	0	TRUNG TÍNH	895	126.1	0.4
HBC	14.4	4,466,335	-5	TIÊU CỰC	3,325	37.6	0.9
HCM	35.45	4,767,460	5	KHẢ QUAN	10,814	14.4	2.3
HDB	31.45	6,838,840	5	KHẢ QUAN	50,124	10.2	2.0
HDG	41	880,805	2	TRUNG TÍNH	6,325	5.8	1.9
HNG	10.7	8,574,525	-4	TIÊU CỰC	11,862	455.7	1.4
HPG	66.1	28,891,216	7	KHẢ QUAN	219,008	12.1	3.3
HPX	34.8	937,375	6	KHẢ QUAN	9,204	85.3	2.8
HQC	3.64	22,465,496	2	TRUNG TÍNH	1,735	243.4	0.4
HSG	38.7	14,552,535	2	TRUNG TÍNH	17,207	7.2	2.1
IDC	34.8	1,888,770	4	KHẢ QUAN	10,440	33.3	2.8
IJC	27	2,286,840	6	KHẢ QUAN	5,862	8.8	1.7
ITA	7.04	13,581,295	-5	TIÊU CỰC	6,606	31.8	0.6
KBC	32.5	5,257,135	-6	TIÊU CỰC	15,267	19.8	1.5
KDC	51	1,203,840	-2	TRUNG TÍNH	11,666	38.0	2.0
KDH	35.8	5,523,875	-5	TIÊU CỰC	20,005	16.7	2.4
KLF	5.4	10,913,085	-2	TRUNG TÍNH	893	#N/A N/A	0.5
KSB	26.95	1,129,250	-2	TRUNG TÍNH	1,796	7.1	1.1
LDG	6.93	5,602,015	-5	TIÊU CỰC	1,659	150.7	0.5
LPB	23.55	17,597,176	3	TRUNG TÍNH	25,308	11.2	1.7
LTG	37.3	736,870	2	TRUNG TÍNH	3,014	9.7	1.1
MBB	34.5	20,474,404	7	KHẢ QUAN	96,557	9.6	1.9

MBS	23	1,888,405	-2	TRUNG TÍNH	5,262	12.7	2.0
MSN	108	3,020,605	6	KHẢ QUAN	126,866	84.3	7.8
MWG	141.7	1,153,250	2	TRUNG TÍNH	67,369	15.7	3.9
NKG	31.35	6,155,210	4	KHẢ QUAN	5,392	9.4	1.5
NLG	37	2,643,440	-2	TRUNG TÍNH	10,555	9.2	1.6
NVB	16.8	5,875,050	-2	TRUNG TÍNH	6,834	629.8	1.6
NVL	142	2,326,610	5	KHẢ QUAN	153,607	33.9	4.8
PDR	70.2	3,725,985	-6	TIÊU CỰC	34,171	26.0	6.4
PET	20.1	1,820,615	-5	TIÊU CỰC	1,680	10.9	1.1
PHR	51	672,095	-2	TRUNG TÍNH	6,910	7.2	2.2
PLX	54.2	1,814,365	4	KHẢ QUAN	67,415	18.6	2.9
PNJ	93.5	565,050	-6	TIÊU CỰC	21,259	18.8	3.7
POW	11.7	11,032,085	-5	TIÊU CỰC	27,400	11.3	0.9
PVD	20	5,389,970	4	KHẢ QUAN	8,423	130.1	0.6
PVS	21.3	7,489,530	4	KHẢ QUAN	10,181	15.5	0.8
PVT	16.15	2,384,750	-5	TIÊU CỰC	5,227	7.1	1.0
REE	55	621,435	2	TRUNG TÍNH	16,998	9.5	1.4
ROS	7.27	36,558,236	2	TRUNG TÍNH	4,126	226.8	0.7
S99	20	1,649,505	-2	TRUNG TÍNH	1,049	5.1	1.3
SAB	153.5	208,200	-2	TRUNG TÍNH	98,437	20.3	5.0
SBT	19.65	2,818,635	2	TRUNG TÍNH	12,127	17.4	1.5
SCR	7.75	3,824,355	-7	TIÊU CỰC	2,839	16.1	0.6
SHB	29.4	22,808,984	2	TRUNG TÍNH	56,612	16.9	2.2
SHI	28.4	2,016,335	4	KHẢ QUAN	2,587	34.0	2.3
SHS	31.4	7,493,765	7	KHẢ QUAN	6,508	6.6	1.7
SMC	40.6	1,037,905	6	KHẢ QUAN	2,473	4.9	1.4
SSI	36	12,985,675	7	KHẢ QUAN	23,251	13.0	2.0
STB	28.5	44,858,404	7	KHẢ QUAN	51,404	19.1	1.7
TCB	50.1	16,818,344	7	KHẢ QUAN	175,596	12.3	2.2
TCH	21.85	4,926,180	2	TRUNG TÍNH	8,181	8.5	1.5
TIG	14.5	2,003,440	-2	TRUNG TÍNH	1,318	15.3	1.2
TLH	19	3,219,370	0	TRUNG TÍNH	1,912	25.1	1.2
TPB	32.9	6,067,855	7	KHẢ QUAN	33,941	8.6	1.9
TSC	14.3	5,602,635	2	TRUNG TÍNH	2,111	125.4	1.3
TTF	6.8	5,835,350	-3	TRUNG TÍNH	2,116	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	94.1	2,009,455	-7	TIÊU CỰC	349,005	16.5	3.5
VCI	73	1,930,925	4	KHẢ QUAN	12,155	12.8	2.5
VHM	100.4	5,372,995	0	TRUNG TÍNH	330,267	12.8	3.6
VIB	60.5	1,192,190	-2	TRUNG TÍNH	67,118	12.8	3.5
VIC	120.1	2,119,465	-5	TIÊU CỰC	406,230	55.2	5.0
VIX	26.35	8,488,150	-4	TIÊU CỰC	3,365	5.0	1.6
VJC	110	539,080	-7	TIÊU CỰC	59,577	48.8	3.9
VND	42.8	5,306,530	7	KHẢ QUAN	9,181	7.9	2.0
VNM	87.5	4,791,675	-4	TIÊU CỰC	182,871	18.7	5.8
VPB	67.5	26,438,320	5	KHẢ QUAN	165,696	14.6	3.0
VPG	38.1	723,850	5	KHẢ QUAN	1,494	6.5	2.3
VPI	34.7	1,288,885	-2	TRUNG TÍNH	6,940	22.8	2.5
VRE	29.35	7,236,055	-5	TIÊU CỰC	66,693	25.0	2.2

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

USD thấp nhất 2,5 tháng do lo ngại Fed nâng lãi suất

Chỉ số dollar index sáng nay 19/5 ở mức 89,833, gần sát mức thấp nhất kể từ hồi tháng 2/2021 là 89,747 lúc kết thúc phiên 18/5. Phiên vừa qua, dollar index đã giảm tiếp 0,48%. Lợi suất trái phiếu khi bạc Mỹ đi ngang sau khi các nhà đầu tư ngày càng tin tưởng rằng Fed sẽ bắt đầu thắt chặt chính sách tiền tệ theo lộ trình phù hợp, trong bối cảnh lo ngại gia tăng về việc nhu cầu bùng nổ và nguồn cung khan hiếm đang đẩy giá mọi thứ tăng vọt, mặc dù ngân hàng trung ương Mỹ đã nhiều lần nói rằng lạm phát tăng đột biến sẽ chỉ là tạm thời. Dữ liệu tuần trước cho thấy giá tiêu dùng của Mỹ đã tăng 4,2% trong tháng 4 so với một năm trước đó là mức tăng nhanh nhất trong hơn một thập kỷ, khiến các nhà đầu tư choáng váng

Từ hôm nay 19/5, một số doanh nghiệp phá sản được xem xét xóa nợ

Theo đó, tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ, điều kiện xóa nợ là tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn không có khả năng trả nợ Đồng thời, thuộc một trong các trường hợp sau đây được xem xét xóa nợ:

- Khách hàng vay vốn bị tuyên bố phá sản hoặc giải thể.
- Khách hàng sau khi hết thời gian khoan nợ mà vẫn không có khả năng trả nợ và Ngân hàng Chính sách xã hội đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nhưng không thu được nợ.
- Tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn đều bị rủi ro do mắc bệnh tâm thần; mắc bệnh hiểm nghèo; mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên...
- Các khoản nợ nhận bàn giao từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Công thương Việt Nam và Kho bạc Nhà nước đã được áp dụng mọi biện pháp thu hồi nhưng không thể thu hồi được; các khoản nợ bị chiếm dụng mà người chiếm dụng chết, mất tích...

DXS: HoSE nhận hồ sơ niêm yết 358 triệu cổ phiếu Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh

Sở giao dịch chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo đã nhận được hồ sơ niêm yết của hơn 358 triệu cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (Đất Xanh Services, DXS). Ngày nhận hồ sơ là 14/5. Đất Xanh Services hoạt động chính trong lĩnh vực tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản và là công ty con của Tập đoàn Đất Xanh ([HoSE: DXG](#)). Đơn vị này vừa hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng lần đầu (IPO). Số lượng cổ phần chào bán là 71,66 triệu cổ phiếu, tương đương 22% vốn điều lệ tại thời điểm phát hành. Trong đó, Đất Xanh Services chào bán tăng vốn 35,8 triệu cổ phiếu và cổ đông hiện hữu bán 35,8 triệu cổ phiếu, giá chào bán 32.000 đồng/cp. Số lượng phân phối thành công là 71,56 triệu cổ phiếu, Đất Xanh Services và công ty mẹ cùng thu về 1.146 tỷ đồng. Sau phương án IPO, Tập đoàn Đất Xanh giảm sở hữu tại công ty môi giới từ 84,2% xuống 65,79% vốn. Doanh nghiệp đã nhận được văn bản công nhận kết quả chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đồng thời, tổ chức này cũng đề nghị công ty liên hệ với Sở giao dịch chứng khoán TP HCM và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam để thực hiện thủ tục đăng ký, lưu ký, niêm yết cổ phiếu theo quy định.

CX8: chào bán cổ phiếu tăng vốn 127%

Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 ([HNX: CX8](#)) thông báo phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với khối lượng gần 2,8 triệu cổ phiếu, tương đương với tỷ lệ phát hành gần 127%. Công ty đang có vốn điều lệ hơn 22 tỷ đồng và dự kiến sau phát hành là

50 tỷ đồng. Trong đó lần chào bán được chia làm 2 đợt. Đợt đầu tiên dự kiến thực hiện từ tháng 6/2021 với khối lượng gần 1,3 triệu cổ phiếu. Đợt tiếp theo được phát hành từ tháng 12/2021 với gần 1,5 triệu cổ phiếu. Giá chào bán là 10.000 đồng/cp, tương ứng số tiền huy động gần 28 tỷ đồng. Giá trị sổ sách tại thời điểm đầu năm là 12.542 đồng/cp. Thị giá cổ phiếu CX8 đang là 7.600 đồng/cp và hầu như không có giao dịch. Số tiền huy động được dự kiến để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư tại Hà Nội, bổ sung vốn cho các công trình và vốn lưu động, thực hiện trong năm 2021 và 2022

DIG: DIC Corp chào bán riêng lẻ 75 triệu cổ phiếu

HĐQT DIC Corp ([HoSE: DIG](#)) vừa thông qua việc triển khai phương án phát hành 75 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Thời gian thực hiện ngay sau khi nhận được chấp thuận từ UBCKNN. Giá chào bán là 20.000 đồng/cp, tương ứng với số tiền cần huy động 1.500 tỷ đồng. Cổ phiếu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm. Trong danh sách nhà đầu tư, đơn vị được mua nhiều nhất dự kiến là CTCP Đầu tư Phát triển Thiên Tân với khối lượng 38 triệu cổ phiếu. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT Nguyễn Thiện Tuấn và Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hùng Cường cùng mua 10 triệu đơn vị, Phó Tổng giám đốc Nguyễn Thị Thanh Huyền sẽ mua 5 triệu đơn vị. Với số tiền dự kiến thu về, công ty có kế hoạch dùng để đầu tư dự án Khu đô thị Bắc Vũng Tàu. Dự án này có diện tích 90,53 ha, tổng mức đầu tư 10.048 tỷ đồng. Doanh nghiệp dự kiến thu xếp vốn cho dự án từ vốn tự có và huy động khác 7.063 tỷ đồng, vốn vay 3.417 tỷ đồng.

VNM: chốt quyền chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 11%

Vinamilk ([HoSE: VNM](#)) thông báo ngày 8/6 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách chia cổ tức còn lại của năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 11%, 1 cổ phiếu được nhận 1.100 đồng. Ngày thanh toán là 30/6. Năm 2020, ĐHĐCĐ Vinamilk đã duyệt tổng mức cổ tức là 41% mệnh giá, đã tạm ứng 30%. Với 2 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp sẽ chi ra 2.200 tỷ đồng để trả cổ tức đợt cuối của năm 2020. Tại thời điểm cuối quý I, doanh nghiệp sữa có 6.642 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, 3.552 tỷ đồng quỹ đầu tư phát triển, 202 tỷ vốn khác của chủ sở hữu và 34 tỷ thặng dư vốn cổ phần trên vốn góp chủ sở hữu 20.899 tỷ đồng. Cổ phiếu VNM chốt phiên 18/5 ở vùng giá 87.000 đồng/cp, giảm 22% trong vòng 3 tháng qua và chạm đáy 1 năm.

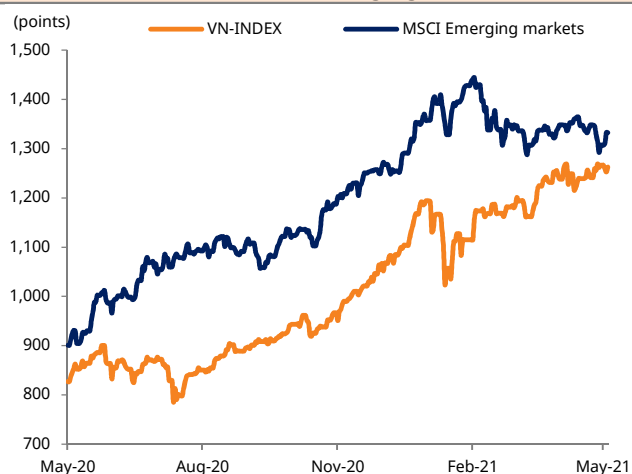
Thaco dừng đại chúng hóa

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) vừa có thông báo hủy đăng ký công ty đại chúng của CTCP Ô tô Trường Hải (Thaco) kể từ ngày 1/1/2021. Theo đó, công ty sẽ không còn công khai các chỉ tiêu kinh doanh và tài chính thời gian tới. Năm 2019, Thaco ghi nhận doanh thu thuần giảm 4% về 56.508 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế giảm 14% còn 5.368 tỷ đồng, quy mô tổng tài sản 106.795 tỷ đồng. Trong đó mảng kinh doanh ô tô đóng góp lớn nhất với 52.600 tỷ doanh thu và 3.647 tỷ lợi nhuận. Mảng bất động sản có 2.398 tỷ doanh thu nhưng mang về đến 1.912 tỷ đồng lợi nhuận. Mảng nông nghiệp bị lỗ 15 tỷ đồng. Hiện Thaco có vốn điều lệ 30.510 tỷ đồng, trong đó gia đình Chủ tịch HĐQT Trần Bá Dương sở hữu hơn 70% và cổ đông ngoại JC&C nắm giữ 26,3% vốn

Bản tin thị trường

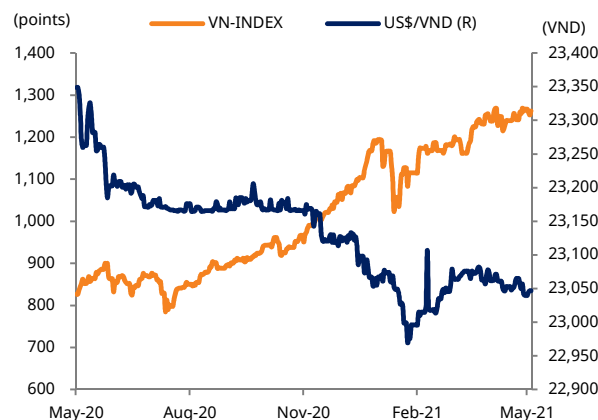
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



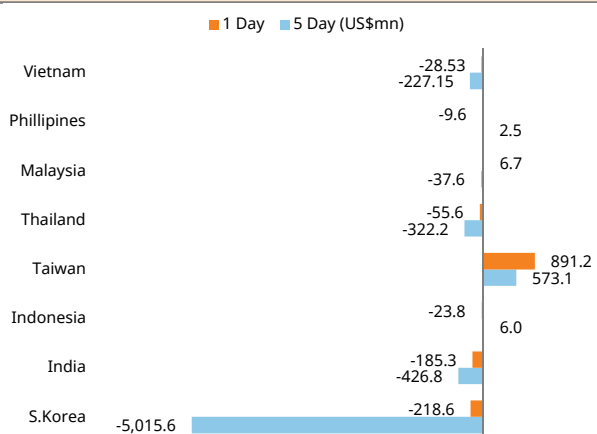
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



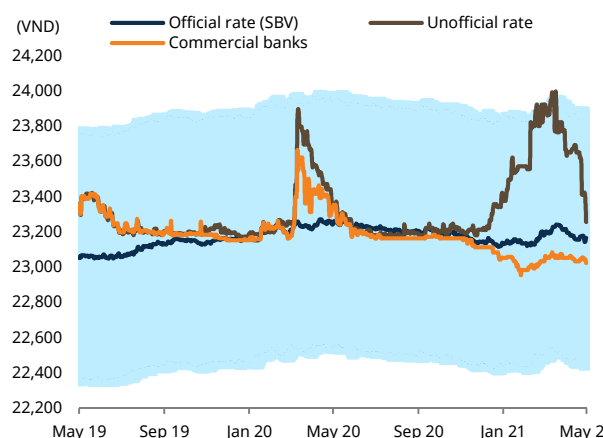
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



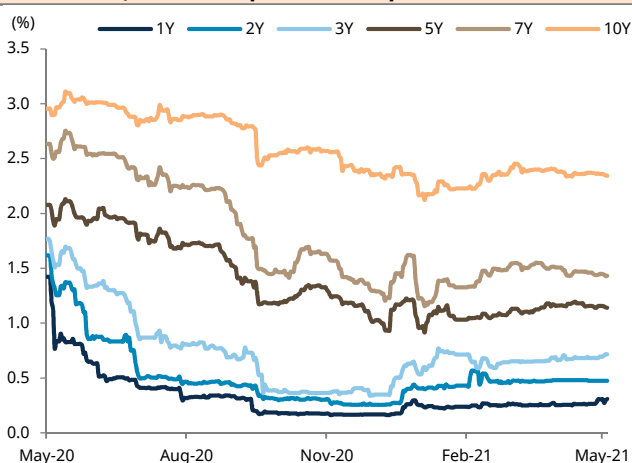
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



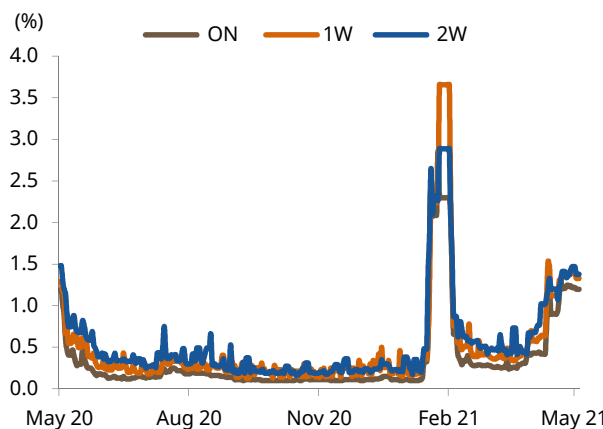
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,401.71	3,344,369		1.7	1.6	7.3	75.4	14.7	12.0	2.6	2.2	7.1	22.6	20.0	19.9
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	40,900	164,501	16.7	0.0	-4.1	-4.9	4.6	16.6	12.6	1.8	1.6	70.3	32.2	12.1	14.8
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	53,200	39,492	27.4	-1.5	-6.3	-10.6	9.5	22.8	19.7	1.9	1.8	12.2	16.0	8.3	9.3
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	48,000	178,723	25.7	3.1	6.7	12.9	115.2	10.5	9.5	1.8	1.6	24.6	9.8	19.7	19.7
CTCP FPT	FPT VN	90,800	71,652	49.0	4.4	6.3	11.4	84.4	18.0	15.2	3.9	3.4	22.3	18.7	24.5	25.7
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	81,600	156,178	2.5	-0.5	-5.6	-6.4	9.1	15.4	14.7	3.0	2.8	31.2	5.0	19.3	19.9
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	31,450	50,124	17.3	2.8	4.1	15.2	120.4	9.2	7.7	1.9	1.6	28.2	19.0	20.4	20.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	66,100	219,008	29.5	4.3	5.4	14.4	203.3	10.8	9.0	2.8	2.5	59.4	19.6	27.9	26.2
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	35,800	20,005	31.7	-0.6	-3.5	8.2	67.8	16.4	12.6	2.3	1.9	6.1	30.2	14.9	17.1
NHTMCP Quân đội	MBB VN	34,500	96,557	23.0	3.6	3.9	13.1	130.1	9.2	7.7	1.7	1.4	26.9	19.2	20.1	20.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	108,000	126,866	32.8	2.8	3.8	0.8	71.4	47.9	26.8	6.2	4.9	113.9	78.4	13.5	19.3
CTCP Thế giới di động	MWG VN	141,700	67,369	49.0	0.0	1.6	3.1	62.5	13.5	10.8	3.3	2.8	21.3	25.2	27.6	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	142,000	153,607	7.8	0.2	9.2	30.3	171.0	35.0	25.2	4.5	3.8	1.9	38.9	13.3	15.7
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	70,200	34,171	3.1	0.1	-3.3	3.3	273.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	54,200	67,415	15.7	0.4	1.7	3.2	15.8	20.3	16.3	2.9	2.7	289.7	24.1	16.6	17.4
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	93,500	21,259	49.0	0.0	-2.4	-0.5	45.4	17.0	13.4	3.6	3.0	27.3	27.6	22.7	23.9
TCT Điện Lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,700	27,400	3.3	-2.5	-6.0	-10.7	14.7	12.9	10.8	0.9	0.8	-9.2	19.1	7.4	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	55,000	16,998	49.0	-0.9	-0.5	4.4	74.9	9.3	7.9	1.3	1.5	12.1	19.0	14.8	12.9
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	19,650	12,127	8.6	-1.3	-8.4	-9.0	31.0	16.9	NA	1.4	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	36,000	23,251	45.9	2.1	3.4	3.4	151.7	16.1	15.0	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	28,500	51,404	11.9	4.4	8.2	24.5	187.9	22.3	13.6	1.7	1.5	2.6	63.2	10.0	12.6
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	50,100	175,596	22.5	3.6	1.7	20.4	135.2	11.3	9.7	2.0	1.6	26.4	16.4	19.0	18.4
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,850	8,181	10.7	-1.6	-2.0	-6.4	-4.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	32,900	33,941	30.0	2.5	3.0	16.3	82.7	8.2	6.3	1.6	1.3	18.3	30.3	23.5	23.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	94,100	349,005	23.3	-0.5	-3.3	-4.5	19.1	16.3	13.1	3.0	2.5	29.1	24.2	20.6	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	100,400	330,267	22.5	1.5	2.8	-3.9	37.2	10.8	8.9	2.9	2.2	12.1	20.4	31.2	28.4
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	120,100	406,230	14.5	-0.7	-7.5	-16.6	24.5	55.9	41.4	4.4	4.0	27.2	35.0	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	110,000	59,577	18.9	-2.7	-7.6	-14.9	-4.3	53.3	18.8	3.5	2.8	1,476.7	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	87,500	182,871	55.0	0.6	-4.7	-8.9	-6.7	17.2	15.9	5.3	4.9	6.6	7.9	34.3	34.4
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	67,500	165,696	22.1	0.4	5.5	36.2	170.0	13.6	11.4	2.2	1.8	15.8	19.7	19.3	17.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	29,350	66,693	29.7	-2.2	-5.9	-13.5	17.9	23.4	18.8	2.1	1.9	19.6	24.9	9.3	10.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	9.81	4,693,803	0.8	-0.5	0.2	49.2	15.4	12.5	2.5	2.2	11.7	23.4	18.4	18.7
Ô tô và phụ tùng	0.00	8,073	0.3	-1.8	-1.4	38.2	5.9	5.5	1.1	1.0	32.2	7.3	11.9	11.3
Ngân hàng	6.01	1,561,657	1.5	0.3	10.5	72.5	12.5	10.1	2.1	1.7	28.5	21.0	18.3	18.5
Xây dựng cơ bản	-0.34	168,664	-0.7	-2.1	-3.1	75.6	6.0	4.0	0.4	0.4	5.2	36.2	5.4	6.0
Dịch vụ thương mại	0.00	4,277	-0.4	-1.6	-5.6	15.2	6.0	4.8	NA	NA	31.9	26.2	11.1	13.0
May mặc và trang sức	-0.10	41,354	-0.8	-2.2	-4.1	148.5	13.3	11.0	2.7	2.2	32.0	23.6	19.3	18.8
Dịch vụ tiêu dùng	0.03	8,107	1.5	-2.4	-11.4	17.4	10.0	3.4	NA	NA	NA	NA	3.4	8.8
Dịch vụ tài chính	0.35	64,783	2.1	0.5	4.8	134.2	11.5	5.4	0.4	NA	12.0	7.1	10.3	4.6
Năng lượng	-0.05	83,895	-0.2	-1.2	1.0	25.4	20.0	15.1	2.5	2.3	NA	31.7	14.4	15.2
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	1.05	502,092	0.8	-1.3	-5.9	20.3	23.7	16.5	4.5	3.9	44.5	30.7	21.8	23.0
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	876	-0.2	-0.3	-4.4	42.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,860	-0.2	-0.7	-3.0	-3.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.16	46,501	-1.2	-3.8	-8.8	10.8	20.3	17.6	1.7	1.6	12.1	15.9	7.6	8.6
Nguyên vật liệu	3.00	449,665	2.6	2.8	7.9	156.3	12.3	11.6	2.1	1.4	47.6	7.2	19.4	17.8
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,630	-2.6	-3.6	-7.9	-26.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.08	34,693	-1.1	-3.1	-5.5	54.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	0.30	1,185,711	0.9	0.9	0.9	20.1	8.9	7.8	1.6	1.5	13.4	12.9	9.3	9.6
Bán lẻ	-0.01	75,718	0.1	-0.3	-4.0	62.0	28.6	21.4	3.1	2.6	22.2	30.4	14.5	15.1
Phần mềm và dịch vụ	0.79	75,792	0.0	-0.4	2.9	60.1	12.6	10.0	3.0	2.6	31.5	25.3	25.2	25.3
Thiết bị và phần cứng	0.02	5,827	4.1	6.6	10.8	81.9	17.0	14.3	3.7	3.2	25.3	19.2	23.2	24.3
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,332	1.0	3.4	12.9	388.3	14.7	12.3	3.9	3.1	48.0	20.3	27.0	27.6
Vận tải	-0.56	155,138	1.1	9.4	6.2	293.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.57	237,861	-1.3	-2.8	-9.4	17.2	23.2	9.3	4.2	3.4	NA	64.4	-18.3	10.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
HPG VN	66,100	4.3	28,407,500	2.4
TCB VN	50,100	3.6	17,467,900	1.6
CTG VN	48,000	3.1	17,470,800	1.4
VHM VN	100,400	1.5	2,871,000	1.3
MSN VN	108,000	2.8	2,094,300	0.9
MBB VN	34,500	3.6	29,370,700	0.9
FPT VN	90,800	4.4	2,876,300	0.8
GVR VN	25,350	2.2	2,813,000	0.6
STB VN	28,500	4.4	46,484,200	0.6
VIB VN	60,500	3.2	1,798,100	0.6

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	120,100	-0.7	2,178,400	-0.8
VCB VN	94,100	-0.5	1,678,100	-0.5
VJC VN	110,000	-2.7	362,700	-0.4
VRE VN	29,350	-2.2	12,028,000	-0.4
GAS VN	81,600	-0.5	299,500	-0.2
POW VN	11,700	-2.5	16,967,900	-0.2
BVH VN	53,200	-1.5	596,100	-0.2
HVN VN	26,700	-1.5	698,600	-0.2
PVD VN	20,000	-3.8	3,378,100	-0.1
SAB VN	153,500	-0.3	180,500	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.